

Số: 08/2019/QĐST-HNGĐ

Hải Dương, ngày 01 tháng 02 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

V/v công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông **Bùi Đăng Huy**.

Thư ký phiên họp: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp:
Bà **Phạm Thị Thùy** – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 37/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2019 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định mở phiên họp số 10/2019/QĐMPH-ST ngày 25 tháng 01 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 30/01/1991.

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã C, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Thôn X, xã P, huyện S, tỉnh Hải Dương.

- Chị **Nguyễn Thị Ngọc M**, sinh ngày 02/8/1990.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn A, xã C, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú hiện nay: New Zealand.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Nguyễn Văn Q**, sinh ngày 30/01/1991.

Địa chỉ cư trú: Thôn A, xã C, huyện S, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Thôn X, xã P, huyện S, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Q trình bày vợ chồng tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 04/11/2013 cùng đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà anh Q tại xã P, huyện S. Năm 2016 chị M muốn chuyển về quê ngoại sinh sống, ban đầu anh Q không đồng ý nhưng chị M nhiều lần thuyết phục nên khoảng tháng 10/2016 gia đình

cùng chuyển về thôn A, xã C, huyện S sinh sống. Anh Q trình bày sống ở nhà vợ không thoải mái và bị bạn bè khích bác rằng sống phụ thuộc vào nhà vợ nên anh thường xuyên cáu giận với chị M. Cuối năm 2017 do kinh tế khó khăn nên chị M quyết định đi New Zealand phát triển kinh tế mặc dù anh Q không đồng ý. Thời gian đầu chị M có thường gọi điện thoại về nói chuyện với anh Q và các con nhưng sau đó vợ chồng nói chuyện cũng chỉ cãi nhau nên dần dần chị M chỉ liên lạc với các con. Giữa năm 2018 chị M có về Việt Nam một thời gian rồi lại tiếp tục sang New Zealand lao động, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không liên lạc với nhau. Đến nay anh Q và chị M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên thống nhất đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

-Về quan hệ con chung: Anh Q và chị M có 03 con chung gồm 01 con đẻ là Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/3/2015; 02 con nuôi là Phạm Mai B, sinh ngày 01/10/2012 và Nguyễn Ánh C, sinh ngày 12/12/2009. Hiện cháu B đang ở với anh Q còn cháu A và cháu C đang ở với mẹ đẻ chị M. Khi ly hôn anh Q và chị M đã thống nhất anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Mai B, chị M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng A và cháu Nguyễn Ánh C đến khi trưởng thành, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Tuy nhiên do chị M đang ở New Zealand nên anh Q và chị M nhất trí bố mẹ đẻ chị M là ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956, địa chỉ tại thôn A, xã C, huyện S thay chị M chăm sóc cháu A và cháu C trong thời gian chị M không ở Việt Nam, chi phí chăm sóc do các bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Q và chị M đều xác nhận cháu Nguyễn Bùi Thu D, sinh ngày 03/01/2008 và Nguyễn Bùi Hà E, sinh ngày 03/01/2008 là con riêng của chị M nên không yêu cầu giải quyết.

Bà X trình bày vợ chồng bà đồng ý thay chị M chăm sóc cháu A và cháu C trong thời gian chị M không ở Việt Nam, cháu C cũng đồng ý điều này.

- Về quan hệ tài sản chung: Anh Q và chị M cùng xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Anh Q tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị M và anh Q yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung khi ly hôn. Cả hai đều có hộ khẩu thường trú ở tỉnh Hải Dương, chị M hiện đang sinh sống ở New Zealand nên căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 3

Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

Đơn xin ly hôn, giấy ủy quyền, đơn xin giải quyết vắng mặt của chị M gửi về có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại New Zealand nên được công nhận là hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

Tại phiên họp chị M và anh Q vắng mặt nhưng đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên TAND tỉnh Hải Dương tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 367 BLTTDS.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Q tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, ngày 04/11/2013 cùng đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện S nên là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hướng phát triển kinh tế, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Năm 2017 chị M đi New Zealand lao động, dần dần vợ chồng không còn liên lạc với nhau. Anh chị ly thân từ giữa năm 2018.

Như vậy tình trạng vợ chồng giữa chị M và anh Q đã trầm trọng, vợ chồng ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Xét thấy thỏa thuận của anh chị phù hợp với nguyện vọng con chung và phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81, Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận, giao con chung Phạm Mai B, sinh ngày 01/10/2012 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; giao con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/3/2015 và Nguyễn Ánh C, sinh ngày 12/12/2009 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành và do bố mẹ đẻ của chị M là ông V, bà X chăm sóc thay trong thời gian chị M không ở Việt Nam. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Chi phí chăm sóc cháu A và cháu C do ông V, bà X và chị M tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

Anh Q và chị M đều xác định Nguyễn Bùi Thu D, sinh ngày 03/01/2008 và Nguyễn Bùi Hà E, sinh ngày 03/01/2008 là con riêng của chị M, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu nên Tòa án không xét.

[5] Về lệ phí: Anh Q tự nguyện chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Tại phiên họp, đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên họp, Thẩm phán, Thư ký và người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng.

- Về hướng giải quyết: Đề nghị TAND tỉnh Hải Dương chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị M và anh Q. Về con chung, công nhận sự thỏa thuận của chị M và anh Q, giao cháu B cho anh Q nuôi dưỡng; giao cháu A và cháu C cho chị M nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Trong thời gian chị M không ở Việt Nam thì cháu A và cháu C do bố mẹ đẻ chị M là ông V, bà X chăm sóc thay, chi phí chăm sóc do các bên tự thỏa thuận nên không xem xét. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Q về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 29, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149, khoản 2 Điều 367, Điều 371, khoản 2 Điều 478 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Ngọc M.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Ngọc M về việc anh Q trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Mai B, sinh ngày 01/10/2012 đến khi trưởng thành; chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoàng A, sinh ngày 15/3/2015 và Nguyễn Ánh C, sinh ngày 12/12/2009 đến khi trưởng thành và do ông Nguyễn Hữu V, sinh năm 1956 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956, địa chỉ tại thôn A, xã C, huyện S tiếp tục thay chị M chăm sóc trong thời gian chị M không ở Việt Nam. Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

Anh Nguyễn Văn Q và chị Nguyễn Thị Ngọc M có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở và quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con.

3. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn Q về việc chịu cả lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, đối trừ với 300.000đ tiền tạm ứng do anh Q đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai số **AA/2017/0006034 ngày 25/01/2019**. Anh Q đã nộp đủ.

Quyết định có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01/02/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh HD;
- Cục THADS tỉnh HD;
- UBND xã C; huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu tòa.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Bùi Đăng Huy